

Bản án số: 400/2026/DS-PT  
Ngày: 27-3-2026  
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1189/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2025/DS-ST ngày 27 tháng 08 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ô, khu A, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Bà Trần Huỳnh N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số B Ô3, khu A, xã H, tỉnh Tây Ninh. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 07/8/2025 tại Văn phòng C). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972.

2. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ô, khu A, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lý Quang V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn E, E, K, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 28/3/2025 tại Văn phòng C) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, do bà Trần Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L là chị em ruột, bà Huỳnh Thị N1 là vợ của ông L, là em dâu của bà T. Do có quan hệ thân thích trong gia đình nên trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2023, vợ chồng ông L và bà N1 nhiều lần vay tiền của bà T để sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể: ngày 03/01/2023 vay số tiền 400.000.000 đồng, ngày 20/01/2023 vay số tiền 600.000.000 đồng, ngày 16/3/2023 vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 30/3/2023 vay số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay là 1.100.000.000 đồng. Theo nguyên đơn, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày vay. Sau khi đến hạn thanh toán, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông L và bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 liên đới trả cho bà số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 30/4/2024 đến ngày xét xử, tạm tính 146.080.000 đồng, tổng cộng 1.246.080.000 đồng. Đồng thời không đồng ý cho bị đơn trả dần trong thời hạn 06 tháng mà yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1, do ông Lý Quang V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Thống nhất có vay của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, gồm các khoản vay đúng như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, đối với hai khoản vay ngày 03/01/2023 số tiền 400.000.000 đồng và ngày 20/01/2023 số tiền 600.000.000 đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng nhưng chỉ tính trong thời hạn vay 02 tháng. Sau khi hết thời hạn vay thì không tiếp tục tính lãi. Đối với hai khoản vay ngày 16/3/2023 và ngày 30/3/2023 mỗi khoản 50.000.000 đồng thì không thỏa thuận lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền gốc 1.100.000.000 đồng thì ông L và bà N1 đồng ý trả, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần trong thời hạn 06 tháng; đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì không đồng ý vì cho rằng trước đây đã trả lãi nhiều lần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh đã tuyên:

Căn cứ vào các Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 357, 468, Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.387.622.667 đồng, trong đó tiền gốc 1.100.000.000 đồng, tiền lãi 287.622.667 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với

số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi đối với khoản tiền gốc 100.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 30/3/2024 đến ngày 27/8/2025, chỉ chấp nhận tính lãi với mức 0,83%/tháng từ ngày 11/12/2024 đến ngày 27/8/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả tiền lãi đối với khoản vay 1.100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm và xác định lãi suất đối với khoản tiền 1.100.000.000 đồng theo mức 0,83%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của các nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 1.100.000.000 đồng, bị đơn đồng ý với số nợ này. Đối với tiền lãi, do các giấy vay tiền không thể hiện rõ mức lãi suất thỏa thuận, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi suất 10%/năm đối với khoản vay theo yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi và xác định lại nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 làm đúng theo quy định tại các 271, 272, Điều 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc T1 số tiền vay tổng cộng 1.100.000.000 đồng

phát sinh từ các lần vay vào các ngày 03/01/2023, 20/01/2023, 16/3/2023 và 30/3/2023. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1. 3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 kháng cáo đồng ý trả lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với khoản vay 1.100.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại một phần nội dung vụ án theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số nợ vay: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 thừa nhận có vay của bà T số tiền 1.100.000.000 đồng và xác định thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn, trường hợp không thực hiện đúng nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nghĩa vụ chậm thực hiện. Đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 1.100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn đồng ý và không kháng cáo nội dung này.

[2.2] Về tiền lãi: Nội dung kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả lãi 1,66%/tháng, yêu cầu được trả 0,83%/tháng, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có ý kiến khác nhau về mức lãi suất vay. Nguyên đơn cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, trong khi bị đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận là 4,5%/tháng nhưng chỉ tính trong thời hạn vay. Tuy nhiên, các giấy vay tiền không thể hiện cụ thể mức lãi suất và các bên cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh rõ ràng về mức lãi suất đã thỏa thuận. Do đó có cơ sở xác định các bên có tranh chấp về lãi suất vay.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này, tức 10%/năm của khoản tiền vay. Vì vậy cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) để tính lãi đối với các khoản vay này.

Đối với khoản vay ngày 03/01/2023 số tiền 400.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/01/2023 số tiền 600.000.000 đồng, xác định lãi suất 0,83%/tháng và tính lãi kể từ thời điểm bị đơn ngừng trả lãi cho nguyên đơn là 30/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2025, cụ thể:

- Khoản vay 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng × 15 tháng 28 ngày = 52.898.667 đồng.

- Khoản vay 600.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 28 ngày = 79.348.000 đồng.

Đối với các khoản vay ngày 16/3/2023 và ngày 30/3/2023, mỗi khoản 50.000.000 đồng, do các bên không thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tính từ ngày nguyên đơn có yêu cầu đòi nợ là 11/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2025.

Tiền lãi đối với mỗi khoản vay 50.000.000 đồng là 3.541.333 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 134.788.000 đồng.

Do đó, tổng nghĩa vụ thanh toán của ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 đối với bà Nguyễn Thị T là 1.239.329.333 đồng, gồm 1.100.000.000 đồng tiền gốc 139.329.333 đồng tiền lãi.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất 1,66%/tháng là chưa phù hợp nên chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, điều chỉnh lại mức lãi suất và số tiền lãi phải thanh toán cho phù hợp với quy định pháp luật. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi nên cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.179.880 đồng.

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, theo điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị N1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 186, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 351, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị N1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền đã vay gốc và lãi là 1.239.329.333 đồng (một tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật số tiền là 148.293.334 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 phải liên đới chịu 49.179.880 (bốn mươi chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N1 600.000 (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0004288 và 0004289 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm Hằng**

